

Một số vấn đề về quản lý thuế đối với chuyển nhượng vốn gián tiếp

BUI THỊ THU THẢO*

Tóm tắt

Việc đánh thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài là một vấn đề gây nhiều tranh cãi trong thời gian qua, do Việt Nam chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý về khía cạnh này. Bài viết sẽ bàn rõ hơn vấn đề trên, từ đó kiến nghị giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế đối với chuyển nhượng vốn gián tiếp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Từ khóa: quản lý thuế, chuyển nhượng vốn, gián tiếp

Summary

How to tax indirect capital assignments by foreign investors is a controversial issue these days due to lack of the legal basis in Vietnam. This article is to discuss the aforementioned matter, and then proposes proper schemes to improve legal system on indirect transfer so as to create a fair condition for foreign enterprises in Vietnam.

Keywords: tax administration, capital assignment, indirect

GIỚI THIỆU

Môi trường kinh tế, chính trị ổn định, nhiều hiệp định thương mại tự do đã và sắp có hiệu lực là ưu thế để Việt Nam tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, việc áp dụng các văn bản luật về thuế thời gian qua vẫn còn nhiều điểm chưa rõ ràng khiến nhiều doanh nghiệp quan ngại khi đầu tư vào Việt Nam.

Trên thực tế, có nhiều giao dịch không thực hiện được vì chưa thông hiểu các luật thuế. Bên cạnh đó, việc không rõ ràng trong khung pháp lý về thuế cũng như việc cơ quan thuế có toàn quyền quyết định về nghĩa vụ thuế đã dẫn đến các doanh nghiệp muốn mua bán và sáp nhập (M&A) gặp khó khăn trong việc xác định mức độ rủi ro liên quan, thậm chí phải đối mặt với nguy cơ nợ thuế hoặc bị cáo buộc trốn thuế sau khi hoàn tất một thương vụ M&A. Hiện tại, việc xác định giá chuyển nhượng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn trực tiếp là khá rõ ràng, nhưng với chuyển nhượng vốn gián tiếp thì chưa có quy định cụ thể và khó xác định. Đây cũng là vướng mắc của nhiều nhà đầu tư và cần có sự giải quyết kịp thời từ phía Nhà nước để tạo sân chơi công bằng, hấp dẫn đối với cộng đồng doanh nghiệp.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Chuyển nhượng vốn là chuyển nhượng một phần, hoặc toàn bộ số vốn của nhà đầu tư đã đầu tư cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác, bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp (Điều 14, Thông tư số 78/2014/TT-BTC, ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính).

Theo sơ đồ minh họa về trường hợp chuyển nhượng vốn giữa các doanh nghiệp (Hình), doanh nghiệp P_1 (nước Y) có vốn đầu tư vào doanh nghiệp T_1 (nước X); doanh nghiệp T_1 có vốn đầu tư vào doanh nghiệp T_2 ở Việt Nam. Khi doanh nghiệp P_1 chuyển nhượng vốn đầu tư của mình ở T_1 cho doanh nghiệp P_2 (P_2 có thể ở Việt Nam, X, Y hoặc một nước nào khác), có thể xem rằng doanh nghiệp P_1 trực tiếp chuyển nhượng vốn đầu tư ở T_1 và gián tiếp chuyển nhượng vốn đầu tư ở T_2 .

Ở Việt Nam, công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn

*ThS., Trưởng Bồi dưỡng Cán bộ Tài chính | Email: buithuthao@yahoo.com

Ngày nhận bài: 30/10/2017; Ngày phản biện: 14/11/2017; Ngày duyệt đăng: 15/11/2017

gián tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài đã và đang đối mặt với nhiều trở ngại do chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng về việc này.

Từ góc độ đầu tư, nhà đầu tư luôn hướng đến các cấu trúc đầu tư có thể tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, việc giảm thiểu chi phí, trong đó có chi phí thuế, là một vấn đề luôn được quan tâm hàng đầu. Cấu trúc đầu tư thường được các nhà đầu tư áp dụng là đầu tư vào các doanh nghiệp mục tiêu (ví dụ như T_2 tại Việt Nam) thông qua một doanh nghiệp (T_1) được thành lập chỉ với mục đích nắm giữ các khoản đầu tư này (thường gọi là Special Purpose Vehicle, gọi tắt là SPV) ở các thiên đường thuế, như: British Virgin Island (BVI), Cayman Islands hoặc Hong Kong, Singapore... (đây là những nơi không đánh thuế, hoặc có chính sách thuế rất ưu đãi). Khi nhà đầu tư muốn chuyển nhượng phần vốn đầu tư trong công ty mục tiêu (T_2), nhà đầu tư sẽ chuyển nhượng các doanh nghiệp T_1 này cho bên mua để giảm thiểu số thuế phải nộp tại Việt Nam. Điểm khó khăn nhất đối với các cơ quan quản lý thuế Việt Nam là nhà đầu tư trực tiếp của công ty T_1 tại Việt Nam không thay đổi, chỉ thay đổi ở tầng nhà đầu tư của công ty T_1 và việc thay đổi này diễn ra ở ngoài Việt Nam. Khi đó, cơ quan thuế Việt Nam sẽ khó đánh thuế được hoạt động chuyển nhượng này nếu không kịp thời nắm bắt được thông tin và không có cơ sở pháp lý về thuế chặt chẽ.

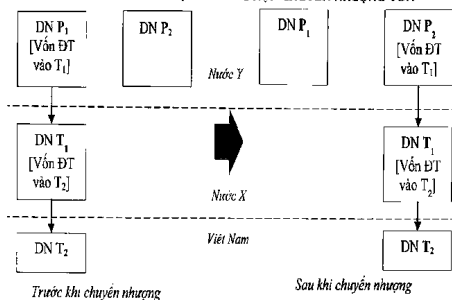
Do hoạt động chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, những vấn đề bàn luận dưới đây chỉ xoay quanh thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Việt Nam áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong giao dịch chuyển nhượng vốn.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chuyển nhượng vốn gián tiếp có chịu thuế tại Việt Nam?

Theo Điều 2, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, nhà đầu tư nước ngoài chỉ đóng thuế tại Việt Nam nếu có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam. Trong đó, thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, bao gồm từ hoạt động chuyển nhượng vốn, không

HÌNH: SƠ ĐỒ MINH HỌA TRƯỜNG HỢP CHUYỂN NHƯỢNG VỐN



Nguồn: Tác giả đề xuất

phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh (Điều 1, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, ngày 12/02/2015 của Chính phủ). Thu nhập từ chuyển nhượng vốn bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng một phần, hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư vào doanh nghiệp, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp, chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật (Điều 3, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, ngày 26/12/2013 của Chính phủ).

Như vậy, nếu nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp chuyển nhượng vốn đã đầu tư vào các doanh nghiệp tại Việt Nam (ví dụ T_1 chuyển nhượng vốn đã đầu tư vào T_1 cho một nhà đầu tư khác), thì thu nhập nhận được sẽ chịu thuế tại Việt Nam.

Trong trường hợp giao dịch chuyển nhượng vốn được nâng lên một tầng, tức là nhà đầu tư P_1 chuyển nhượng T_1 cho nhà đầu tư P_2 , thì từ phía Việt Nam, nhà đầu tư trực tiếp của T_2 vẫn là T_1 , tuy nhiên nhà đầu tư của T_1 đã chuyển từ bên bán P_1 sang bên mua P_2 . Như vậy, không có sự thay đổi quyền sở hữu vốn đầu tư của T_2 ở Việt Nam, mà chỉ có sự thay đổi quyền sở hữu vốn đầu tư của T_1 từ P_1 sang P_2 ở ngoài Việt Nam. Mặc dù vậy, thu nhập (nếu có) từ giao dịch chuyển nhượng vốn này khó có thể xem là không liên quan đến Việt Nam (nơi có doanh nghiệp mục tiêu T_2 nhận vốn đầu tư của T_1), đặc biệt là trong trường hợp T_1 chỉ là một SPV - một doanh nghiệp được thành lập chỉ với mục đích nắm giữ khoản đầu tư vào T_2 và không có bất cứ hoạt động sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, thu nhập mà P_1 nhận được từ hoạt động chuyển nhượng vốn của T_1 cho P_2 có thể xem như là thu nhập có nguồn gốc hoặc phát sinh tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm chuyển nhượng ở ngoài Việt Nam. Từ đó, giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp này phải chịu thuế ở Việt Nam dựa trên những quy định và lập luận nêu trên.

Đánh thuế như thế nào đối với chuyển nhượng vốn gián tiếp?

Thuế TNDN áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn là 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong đó, thu nhập chịu thuế được tính bằng giá chuyển nhượng trừ giá mua của phần vốn chuyển nhượng rồi trừ chi phí chuyển nhượng (Điều 2 và Điều 14, Thông tư số 78/2014/TT-BTC, ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính). Đây là cách tính thuế áp dụng đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước có hoạt động chuyển nhượng vốn trực tiếp. Các cơ sở pháp lý về thuế hiện hành không hướng dẫn gì thêm về trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng vốn gián tiếp. Như vậy, việc xác định, tính toán thu nhập có nguồn gốc hoặc phát sinh tại Việt Nam liên quan đến các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp như thế nào vẫn còn là một vấn đề tranh cãi.

Hiện tại, việc xác định giá chuyển nhượng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn trực tiếp là khá rõ ràng, nhưng với chuyển nhượng vốn gián tiếp thì chưa có quy định cụ thể và khó xác định. Đây cũng là vướng mắc của nhiều nhà đầu tư và cần có sự giải quyết kịp thời từ phía Nhà nước để tạo sân chơi công bằng, hấp dẫn đối với cộng đồng doanh nghiệp.

Trong một số trường hợp, nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng vốn gián tiếp được yêu cầu khai và nộp thuế theo phương pháp tính thuế suất 20% trên thu nhập chuyển nhượng. Nếu chỉ dựa trên những cơ sở pháp lý hiện hành để áp dụng thuế TNDN đối với giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp, giống như cách tính thuế đối với chuyển nhượng vốn trực tiếp, trong khi có thêm một tầng ngăn cách giữa nhà đầu tư (T_1) và doanh nghiệp mục tiêu (T_2), là chưa hoàn toàn thuyết phục.

Theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế tại Công văn số 1595/TCT-DNL, ngày 24/04/2015 và Công văn số 766/TCT-DNL, ngày 29/02/2016, thu nhập từ chuyển nhượng vốn gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài chịu thuế TNDN ở mức thuế suất 20% trên thu nhập chuyển nhượng. Lấy ví dụ trong trường hợp này, doanh nghiệp A (Pháp) chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần vào doanh nghiệp B (Hong Kong), doanh nghiệp B đầu tư vốn vào một số doanh nghiệp ở Việt Nam. Thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp A được yêu cầu xác định dựa trên doanh thu, giá vốn, chi phí của hoạt động chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật về thuế TNDN. Tuy vậy, hai công văn này không hướng dẫn chi tiết việc xác định thu nhập chịu thuế trong trường hợp chuyển nhượng vốn gián tiếp này, vì khi qua một tầng chuyển nhượng (doanh nghiệp B tại Hong Kong) sẽ có khác biệt so với trường

hợp chuyển nhượng vốn trực tiếp, nhất là phải có những hồ sơ chứng từ cần thiết để chứng minh doanh thu, giá vốn và chi phí khi hầu hết các bên liên quan đều ở nước ngoài. Hơn nữa, việc xác định đánh thuế TNDN trên hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp này cần cứ chủ yếu vào quy định thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động chuyển nhượng vốn không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

Như vậy, giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài phải chịu thuế ở Việt Nam, nhưng việc tính thuế như thế nào vẫn là vấn đề đặt ra đối với Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.

Quản lý thu thuế như thế nào đối với chuyển nhượng vốn gián tiếp?

Đối với nhà đầu tư nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng vốn tại Việt Nam, bên Việt Nam có liên quan trong giao dịch chuyển nhượng vốn (theo thứ tự là bên mua, rồi đến bên có vốn đầu tư bị chuyển nhượng nếu bên mua không phải là doanh nghiệp Việt Nam) có trách nhiệm đứng ra thay nhà đầu tư nước ngoài xác định, kê khai và nộp thuế. Do việc đánh thuế các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp không phải là một thông lệ phổ biến trên thế giới, công tác quản lý thuế hiện nay không thể chỉ dựa vào việc tự khai - tự nộp của các bên liên quan, mà phải dựa vào việc chủ động thu thập thông tin để soát xét các giao dịch này.

Trong trường hợp bên mua là doanh nghiệp Việt Nam, các ngân hàng thương mại - nơi bên mua yêu cầu chuyển tiền thanh toán cho bên bán - thường yêu cầu xuất trình hồ sơ chứng từ khai và khấu trừ thuế đối với giao dịch chuyển nhượng vốn này trước khi thực hiện chuyển tiền ra nước ngoài. Do đó, việc quản lý thuế đối với các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp này có thể dễ dàng kiểm soát.

Trường hợp bên mua cũng là nhà đầu tư nước ngoài, các cơ quan quản lý thuế ở Việt Nam sẽ rất khó phát hiện được các giao dịch chuyển nhượng này, do hoạt động chuyển nhượng vốn và dòng tiền liên quan đến giao dịch chuyển nhượng diễn ra ở ngoài Việt Nam. Khi đó, cơ quan thuế chỉ có thể thu thập thông tin và phát hiện các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp nếu có sự thay đổi trên giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh và giấy phép đầu tư của doanh nghiệp nơi có vốn đầu tư bị chuyển nhượng gián tiếp T_2 (các nhà đầu tư mới thường đổi tên của doanh nghiệp T_1 sau giao dịch chuyển nhượng vốn), hoặc thông qua thông cáo báo chí về các giao dịch chuyển nhượng lớn của các nhà đầu tư nước ngoài.

HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Việc đánh thuế các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp là một nỗ lực quản lý của cơ quan thuế nhằm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đánh thuế như thế nào để tạo ra sân chơi công bằng cho các nhà đầu tư là một vấn đề quan trọng cần được xem xét kỹ lưỡng. Để công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài hiệu quả hơn, điều kiện tiên quyết là cơ sở pháp lý về thuế rõ ràng và hợp lý.

Hiện nay, trong Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế TNDN 1% trên doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng vốn của các doanh nghiệp nước ngoài. Việc áp thuế suất thuế TNDN trực tiếp trên doanh thu (không phải trên thu nhập) có thể xem là một phương thức đơn giản hơn để thu thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy

nhiên, nếu chỉ áp dụng cách đánh thuế trên doanh thu có thể dẫn đến việc các nhà đầu tư nước ngoài cảm thấy bị phân biệt đối xử so với các nhà đầu tư trong nước. Bộ Tài chính có thể xem xét cho nhà đầu tư nước ngoài thêm lựa chọn giữa việc áp dụng thuế suất thuế TNDN 1% trên doanh thu hoặc 20% trên thu nhập, nếu có căn cứ và hồ sơ chứng từ hợp lý chứng minh được giá vốn và chi phí liên quan của khoản vốn đầu tư được chuyển nhượng.

Bên cạnh đó, cũng phải nhìn nhận khách quan rằng, Dự thảo Luật vẫn chưa đề cập đến các trường hợp chuyển nhượng vốn gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính cần tham mưu ban hành thêm hướng dẫn cụ thể về cách xác định doanh thu, hoặc thu nhập chịu thuế trong trường hợp chuyển nhượng vốn gián tiếp trong Dự thảo Luật. Hơn nữa, việc đánh thuế đến mức độ gián tiếp nào (đánh thuế đến tầng nào trong cấu trúc đầu tư nếu giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp mục tiêu nhận đầu tư T_2 có nhiều tầng doanh nghiệp T_j) cũng cần được hướng dẫn cụ thể.

Ngoài cách tính thuế, một vấn đề quan trọng không kém cũng cần được quy định rõ là những hồ sơ chứng từ cần thiết để chứng minh doanh thu, giá vốn, chi phí liên quan đến giao dịch chuyển nhượng vốn. Do các bên liên quan chủ yếu ở nước ngoài, yêu cầu về hồ sơ chứng từ không nên quá cứng nhắc, mà nên linh hoạt theo thông lệ của các nước để tránh gây khó khăn không cần thiết cho các nhà đầu tư.

Cuối cùng, để quản lý được thông tin về các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan quản lý về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy phép đầu tư khi có sự thay đổi thông tin về nhà đầu tư nước ngoài. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội (2008). *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*, Luật số 14/2008/QH12, ngày 03/06/2008
- Chính phủ (2013). *Nghị định số 218/2013/NĐ-CP*, ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chính phủ (2015). *Nghị định số 12/2015/NĐ-CP*, ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế
- Bộ Tài chính (2017). *Dự thảo đề cương Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân và thuế tài nguyên kèm Công văn số 10958/BTC-CST*, ngày 17/08/2017
- Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 78/2014/TT-BTC*, ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp
- KPMG (2016). *Thuế chuyển nhượng vốn - Giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp diễn ra ở nước ngoài chịu thuế tại Việt Nam*, Bản tin nhanh về thuế - Dịch vụ Tư vấn Thuế và Luật, tháng 09/2016
- Tổng cục Thuế (2016). *Công văn số 766/TCT-DNL*, ngày 29/02/2016 hướng dẫn chính sách thuế
- Tổng cục Thuế (2015). *Công văn số 1595/TCT-DNL*, ngày 24/04/2015 hướng dẫn chính sách thuế